

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23- 02- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cụt Xuân Ninh

Ông Trần Đình Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị L T H, sinh năm 1989. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trường Thanh, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh V Đ C. Sinh năm 1991. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản N M, xã N M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 19 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L T H trình bày:

Về tình cảm: Chị L T H và anh V Đ C tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2013. Chị H và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 11/04/2013 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị H và anh C sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống tính cách không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, dẫn đến trong cuộc sống phát sinh quá nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, xúc phạm lẫn nhau thậm tệ. Vợ chồng chị H và anh C sống ly thân nhau từ cuối năm 2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H có nguyện vọng được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Chị L T H và anh V Đ C chưa có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh V Đ C trình bày:

Về tình cảm: Anh C và chị L T H tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 11/04/2013 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh C và chị H sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H có nguyện vọng ly hôn với anh C thì anh đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Anh V Đ C và chị L T H chưa có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L T H. Về con chung: chưa có con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh V Đ C có hộ khẩu thường trú tại bản N M, xã N M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L T H và bị đơn Anh V Đ C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã N M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/04/2013 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Chị H và anh C trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Con chung: Chưa có con chung

Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp.

3. Tài sản, nợ chung: Chị H và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Chị L T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L T H được ly hôn với Anh V Đ C.

2. Con chung: Chưa có con chung

3. Án phí: Chị L T H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0010739 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND N M;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Moong Công Hải